

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1288 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 07 tháng 6 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thủy sản thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 265/TTr-SNNPTNT ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế và bãi bỏ tất cả các thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã theo Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Quyết định công bố này vào Website Kiểm soát thủ tục hành chính Kiên Giang tại địa chỉ: <http://botthc.kiengiang.gov.vn> tải danh mục và nội dung chi tiết từng thủ tục hành chính để niêm yết công khai và thực hiện đúng theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, P.KSTTHC, P.KTCN;
- Lưu: VT, vvtu.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Minh Phụng**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THAY THẾ; BỊ BÃI BỎ  
LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Tổng cộng: 63 ngày làm việc trong đó a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;</li> <li>- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.</li> </ul>			
3.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;</li> <li>- 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại.</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.</li> </ul>
4.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;</li> <li>- 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại.</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</li> <li>- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.</li> </ul>
5.	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá	- 45 ngày đối với trường	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	Chưa có văn	- Luật Thủy sản năm 2017;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)	hợp cấp mới; - 15 ngày đối với trường hợp cấp lại.	quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	bản quy định	- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
6.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
7.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
8.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	03 ngày làm việc (đối với xác nhận nguồn gốc); 07 ngày làm việc (đối với xác nhận mẫu vật).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
9.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			ngành và Phát triển nông thôn		ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
10.	Công bố mở cảng cá loại 2	Tổng thời gian: 08 ngày làm việc, trong đó: - Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
11.	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

## 2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế
1	Cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản Cấp Giấy phép khai thác thủy sản Cấp gia hạn Giấy phép khai thác thủy sản	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	- 06 ngày làm việc (đối với cấp mới); - 03 ngày làm việc (đối với cấp lại).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; - Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	- Luật Thủy sản 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
2	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá.	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
4	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; - Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế
5	Chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
	Chứng nhận lại sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp					
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu					
	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu					
	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán					
	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)					



STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
8	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018

### 3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018	Cơ quan thẩm quyền nơi đăng ký tàu cá (Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy sản)
2	Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018	Chi cục Thủy sản

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
3	Xác nhận đăng ký tàu cá	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018	Chi cục Thủy sản
4	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;	Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi nuôi cách ly kiểm dịch
5	Cấp Giấy chứng nhận mã số nhận diện ao nuôi cá Tra thương phẩm	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;	Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh
6	Cấp lại Giấy chứng nhận mã số nhận diện ao nuôi cá Tra thương phẩm	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;	Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO ĐƠN VỊ KHÁC THỰC HIỆN

### 1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1.	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	- 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).	Cơ sở đăng kiểm tàu cá	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 230/2016/TBTC ngày 11/11/2016.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

### 2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế
1.	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Tổ chức quản lý cảng cá	Nộp 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần theo Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 (thực hiện từ ngày 15/01/2019).	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018
2.	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra	Cơ sở đăng kiểm tàu cá	Theo từng hạng mục tại thông tư số 230/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### 1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	63 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<p>a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;</p> <p>b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:</p> <p>- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;</p> <p>- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.



		nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.			
3	Công bố mở cảng cá loại 3	<p>a) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá;</p> <p>b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chưa có văn bản quy định	<p>- Luật Thủy sản năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.</p>